

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	02
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	03 – 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	06
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	07 - 16

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

Số 112, đường Ngô Quyền,
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BẢN SAO
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ điện lực (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Văn Tuyền	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Tường	Thành viên
Ông Phạm Quang Xung	Thành viên
Ông Phạm Thanh Dân	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Ông Lê Kiên	Thành viên
Bà Đỗ Thị Lan	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Xuân Tường	Giám đốc
Ông Phạm Quang Xung	Phó Giám đốc
Ông Phạm Thanh Dân	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tài Hiếu	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

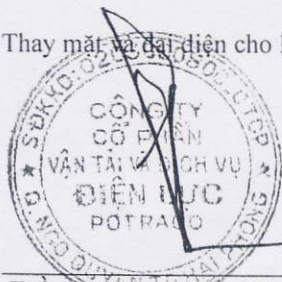
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

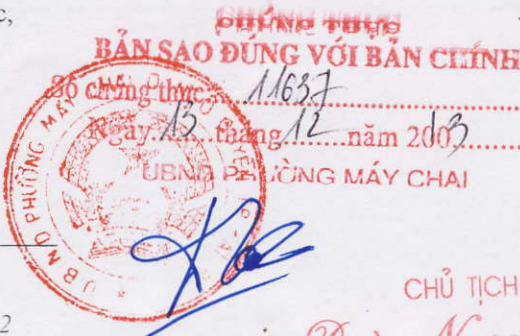
Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Xuân Tường
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2012



CHỦ TỊCH

Đoàn Ngọc Vinh

Số: 69 /VACO HP/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ điện lực

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được lập ngày 20/01/2012 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ điện lực (gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 16 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 11637
Ngày: 13 tháng 12 năm 2012



Nguyễn Minh Hùng
Giám đốc Chi nhánh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

Lương Thị Thúy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1148/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY KIỂM TOÁN VACO
TẠI HẢI PHÒNG

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2012

CHỦ TỊCH*Đoàn Ngọc Vinh*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		54.073.403.649	46.727.541.491
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.430.447.058	12.164.165.935
1. Tiền	111		510.973.374	1.164.165.935
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.919.473.684	11.000.000.000
II. Phải thu ngắn hạn	130		22.783.991.889	21.817.253.352
1. Phải thu khách hàng	131	6	18.249.545.817	18.328.392.127
2. Trả trước cho người bán	132		1.435.500.000	411.347.037
3. Các khoản phải thu khác	135	7	3.132.217.764	3.124.216.160
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	6	(33.271.692)	(46.701.972)
III. Hàng tồn kho	140	8	10.269.123.259	5.296.219.189
1. Hàng tồn kho	141		10.269.123.259	5.296.219.189
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.589.841.443	7.449.903.015
1. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	6.589.841.443	7.449.903.015
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		25.636.684.952	27.755.121.017
I. Tài sản cố định	220		25.526.727.263	27.513.214.100
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	25.526.727.263	27.513.214.100
- Nguyên giá	222		40.964.978.641	45.267.130.738
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.438.251.378)	(17.753.916.638)
II. Tài sản dài hạn khác	260		109.957.689	241.906.917
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	109.957.689	241.906.917
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		79.710.088.601	74.482.662.508

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

Số 112, đường Ngô Quyền,
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=330)	300		18.325.597.847	15.719.656.183
I. Nợ ngắn hạn	310		18.325.597.847	15.719.656.183
1. Phải trả người bán	312		2.024.215.586	2.442.102.929
2. Người mua trả tiền trước	313		1.088.583.023	1.123.605.188
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.710.420.072	1.304.196.245
4. Phải trả công nhân viên	315		440.456.000	57.325.000
5. Chi phí phải trả	316	13	12.215.507.478	9.844.618.944
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	715.433.891	748.194.369
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		130.981.797	199.613.508
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		61.384.490.754	58.763.006.325
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	15	61.384.490.754	58.763.006.325
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		47.000.000.000	47.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.085.508.000	6.085.508.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		40.073.000	40.073.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.827.240.458	2.827.240.458
5. Quỹ Dự phòng tài chính	418		943.767.421	823.043.873
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.487.901.875	1.987.140.994
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		79.710.088.601	74.482.662.508



CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 11637
Ngày 16 tháng 12 năm 2011



Trần Xuân Tường
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Đỗ Thị Lan
Kế toán trưởng

CHỦ TỊCH
Đoàn Ngọc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

Số 112, đường Ngô Quyền,
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BẢN SAO

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng	01		58.166.234.012	31.744.292.822
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		58.166.234.012	31.744.292.822
3. Giá vốn hàng bán	11		51.249.586.729	24.873.208.663
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		6.916.647.283	6.871.084.159
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	1.538.908.560	1.627.981.031
6. Chi phí tài chính	22		-	1.574.167.584
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.512.715.915	5.116.945.020
8. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		2.942.839.928	1.807.952.586
9. Thu nhập khác	31		3.813.878.813	1.489.746.199
10. Chi phí khác	32		203.076.173	78.404.159
11. Lợi nhuận khác	40	17	3.610.802.640	1.411.342.040
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.553.642.568	3.219.294.626
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	1.638.410.718	804.823.657
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.915.231.850	2.414.470.969
15. Lãi cơ bản trên cổ phần	61	19	1.046	514



**CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 11637

Ngày 13 tháng 12 năm 2013

UBND PHƯỜNG MÁI CHÀI

Trần Xuân Tường
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2012

(Signature)

Đỗ Thị Lan
Kế toán trưởng



CHỦ TỊCH

Đoàn Ngọc Vĩnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	6.553.642.568	3.219.294.626
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	1.807.778.364	1.624.236.356
- Các khoản dự phòng	3	(13.430.280)	(142.170.652)
- Điều chỉnh sai sót kỳ trước	4	(85.100.000)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(5.143.618.362)	(2.600.440.235)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	3.119.272.290	2.100.920.095
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(93.246.685)	8.361.030.012
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.972.904.070)	65.364.849
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.541.711.675	(3.953.831.732)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	131.949.228	(355.453.354)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(823.599.257)	(1.638.442.298)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(248.033.532)	(365.624.274)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.344.850.352)	4.213.963.298
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	-	(6.004.040.080)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	3.783.418.275	1.477.967.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	5.500.000.000	(369.640.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(5.500.000.000)	8.359.460.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.538.908.560	1.159.429.121
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.322.326.835	4.623.176.314
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.695.242.392)	(3.760.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.711.195.360)	(3.760.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	2.266.281.123	5.077.139.612
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.164.165.935	7.087.026.323
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	14.430.447.058	12.164.165.935



Trần Xuân Tường
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Đỗ Thị Lan
Kế toán trưởng

CHỦ TỊCH

Đoàn Ngọc Tĩnh

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

Số 112, đường Ngô Quyền,
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BẢN SAO**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ điện lực là Doanh nghiệp cổ phần được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Giao nhận vận chuyển trực thuộc Công ty điện lực I và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp theo giấy đăng ký lần đầu ngày 30/04/2004. Công ty đã được cấp đăng ký thay đổi lần 4 ngày 19/12/2008.

Vốn Điều lệ của Công ty là 47.000.000.000 đồng. Danh sách cổ đông chính tại ngày 31/12/2011 như sau:

Cổ đông	Số cổ phiếu (Cổ phiếu)	Giá trị vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	1.410.000	14.100.000.000	30,00
Công ty Cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển	1.787.400	17.874.000.000	38,03
Cổ đông khác	1.502.600	15.026.000.000	31,97
Cộng	30.000.000	47.000.000.000	100,00

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 119 người (tại ngày 31/12/2010 là 130 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Dịch vụ kho bãi, tiếp nhận hàng hóa nhập tại các ga, cảng trong nước; vận tải đường thủy, đường bộ, vận chuyển, xếp dỡ hàng siêu trường, siêu trọng; gia công cơ khí các thiết bị điện, các thiết bị dân dụng và công nghiệp; kinh doanh vật tư, thiết bị điện dân dụng và công nghiệp, vật tư thiết bị viễn thông công cộng; kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng; kinh doanh bất động sản, nhà ở; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, xây lắp điện cấp điện áp 110KV; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; kho bãi chứa hàng container; bán ô tô và xe có động cơ khác; bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; dịch vụ khai thuê hải quan.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Dịch vụ kho bãi, tiếp nhận hàng hóa nhập tại các ga, cảng trong nước; vận tải đường thủy, đường bộ, vận chuyển, xếp dỡ hàng siêu trường, siêu trọng; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; kho bãi chứa hàng container; dịch vụ khai thuê hải quan.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn.

Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung trên phần mềm kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Bên liên quan

Công ty có các bên liên quan:

- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc là cổ đông sở hữu 30 % Vốn điều lệ của Công ty và,
- Công ty Cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển là cổ đông sở hữu 38,03 % Vốn điều lệ của Công ty.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong năm nay, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty phản ánh các chi phí dịch vụ vận chuyển, và được theo dõi theo các hợp đồng riêng biệt. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Thời gian khấu hao các nhóm tài sản cụ thể như sau:

	Số năm sử dụng
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 25
Thiết bị quản lý	05 – 08

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn phản ánh chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo thời gian sử dụng hữu ích.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

356-

NHÀ
NG
HIỆM
MT
VAC
HẢI P

VG -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	139.982.455	181.322.661
Tiền gửi ngân hàng	370.990.919	982.843.274
Các khoản tương đương tiền	13.919.473.684	11.000.000.000
Cộng	14.430.447.058	12.164.165.935

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu khách hàng	18.249.545.817	18.328.392.127
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(33.271.692)	(46.701.972)
Cộng	18.216.274.125	18.281.690.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu các đối nhận khoán	68.405.891	124.216.160
Phải thu khác (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
Lãi tiền gửi phải thu	63.811.873	-
Cộng	3.132.217.764	3.124.216.160

(*) Phải thu các cá nhân khác theo Quyết định giao khoán đầu tư

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.547.366	7.547.366
Công cụ, dụng cụ	4.001.693	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.257.574.200	5.288.671.823
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	10.269.123.259	5.296.219.189

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng	6.509.315.127	7.370.603.015
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	80.526.316	79.300.000
Cộng	6.589.841.443	7.449.903.015

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2011	5.718.087.586	38.977.590.530	571.452.622	45.267.130.738
Thanh lý, nhượng bán	-	4.302.152.097	-	4.302.152.097
Tại 31/12/2011	5.718.087.586	34.675.438.433	571.452.622	40.964.978.641
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2011	4.825.760.044	12.383.662.695	544.493.899	17.753.916.638
Khấu hao trong năm	38.330.340	1.763.884.392	5.563.632	1.807.778.364
Thanh lý, nhượng bán	-	4.123.443.624	-	4.123.443.624
Tại 31/12/2011	4.864.090.384	10.024.103.463	550.057.531	15.438.251.378
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2011	892.327.542	26.593.927.835	26.958.723	27.513.214.100
Tại 31/12/2011	853.997.202	24.651.334.970	21.395.091	25.526.727.263

Tại ngày 31/12/2011, tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 7.356.764.175 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰCSố 112, đường Ngô Quyền,
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tại 01/01	241.906.917	597.360.271
Tăng trong năm	-	334.904.455
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong năm	(131.949.228)	(690.357.809)
Tại 31/12	109.957.689	241.906.917

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	596.336.039	867.156.643
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.093.831.673	279.020.212
Thuế thu nhập cá nhân	20.252.360	-
Các loại thuế khác	-	158.019.390
Cộng	1.710.420.072	1.304.196.245

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí công trình phải trả	12.215.507.478	9.844.618.944
Cộng	12.215.507.478	9.844.618.944

Phản ánh các chi phí làm hàng Công ty còn phải trả các đội thực hiện các dịch vụ vận tải theo quyết toán.

14. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	53.180.533	35.976.121
Bảo hiểm xã hội	22.979.929	2.192.668
Kinh phí công đoàn	97.422.329	143.952.353
Cổ tức phải trả	419.757.608	210.966.453
Phải trả khác	122.093.492	355.106.774
Cộng	715.433.891	748.194.369

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰCSố 112, đường Ngô Quyền,
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**M. U B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 47 tỷ đồng. Đến ngày 31/12/2011 các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ như sau:

	Vốn đã góp đến 31/12/2011		Vốn đã góp đến 31/12/2010	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	14.100.000.000	30,00	14.100.000.000	30,00
Công ty CP Đại lý liên hiệp vận chuyển	17.874.000.000	38,03	17.874.000.000	38,03
Các cổ đông khác	15.026.000.000	31,97	15.026.000.000	31,97
Cộng	47.000.000.000	100,00	47.000.000.000	100,00

Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại 01/01/2010	47.000.000.000	6.085.508.000	2.350.159.521	587.863.405	40.073.000	5.190.886.548	61.254.490.474
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	2.414.470.969	2.414.470.969
Trích các quỹ	-	-	477.080.937	235.180.468	-	(1.420.690.305)	(708.428.900)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(3.760.000.000)	(3.760.000.000)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	(437.526.218)	(437.526.218)
Tại 31/12/2010	47.000.000.000	6.085.508.000	2.827.240.458	823.043.873	40.073.000	1.987.140.994	58.763.006.325
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	4.915.231.850	4.915.231.850
Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	-	(2.115.000.000)	(2.115.000.000)
Trích các quỹ(**)	-	-	-	120.723.548	-	(299.470.969)	(178.747.421)
Tại 31/12/2011	47.000.000.000	6.085.508.000	2.827.240.458	943.767.421	40.073.000	4.487.901.875	61.384.490.754

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰCSố 112, đường Ngô Quyền,
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

(*) Điều chỉnh ảnh hưởng khoản lãi do cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm như Thuyết minh 7 và Thuyết minh số 21.

(**) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 21/4/2011, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau: Chia cổ tức với mức 4,5%/năm tương đương 2.115.000.000 đồng, trích quỹ dự phòng tài chính 120.723.548 đồng và quỹ khen thưởng phúc lợi 178.747.421 đồng.

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.538.908.560	1.159.429.121
Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán	-	468.551.910
Cộng	1.538.908.560	1.627.981.031

17. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu thanh lý tài sản cố định	3.783.418.275	1.477.067.273
Thu nhập khác	30.460.538	12.678.926
Cộng thu nhập khác	3.813.878.813	1.489.746.199
<i>Chi phí khác</i>		
Chi thanh lý tài sản cố định	196.065.173	36.056.159
Chi phí khác	7.011.000	42.438.000
Chi phí khác	203.076.173	78.494.159
Lợi nhuận khác	3.610.802.640	1.411.342.040

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	6.553.642.568	3.219.294.626
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.553.642.568	3.219.294.626
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	1.638.410.718	804.823.657
Cộng	1.638.410.718	804.823.657

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	4.915.231.850	2.414.470.969
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để phân bổ lợi nhuận hoặc lỗ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	4.915.231.850	2.414.470.969
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.700.000	4.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.046	514

Cổ phiếu Công ty

	Năm 2011	Năm 2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu	4.700.000	4.700.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông	4.700.000	4.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.700.000	4.700.000

	Năm 2011	Năm 2010
	VND/Cổ phiếu	VND/Cổ phiếu
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành	10.000	10.000

20. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Mua dịch vụ từ Công ty Cổ phần liên hiệp vận chuyển	-	107.500.000
Thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần liên hiệp vận chuyển	107.500.000	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải trả Công ty Cổ phần liên hiệp vận chuyển phí dịch vụ	-	107.500.000
Phải trả cổ tức Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	419.757.608	210.966.453

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰCSố 112, đường Ngô Quyền,
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***21. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty khác, một số số liệu của kỳ Báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

STT	Khoản mục	Mã số	Số liệu năm 2010 đã được kiểm toán VND	Số liệu năm 2010 đã phân loại lại VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
1.	Tiền	111	1.270.411.952	12.164.165.935	10.893.753.983	(1)
2.	Đầu tư ngắn hạn	121	14.355.180.000	-	(14.355.180.000)	(1),(2)
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(1.314.838.000)	-	1.314.838.000	(2)
4.	Phải thu khác	135	124.216.160	3.124.216.160	3.000.000.000	(2)
5.	Hàng tồn kho	141	6.525.957.390	5.296.219.189	(1.229.738.201)	(1)
6.	Lợi nhuận chưa phân phối	420	2.363.467.212	1.987.140.994	(376.326.218)	(2)

(1) Trình bày lại khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng 11.000.000.000 đồng từ khoản mục đầu tư ngắn hạn sang khoản mục tương đương tiền và -106.246.107 đồng là tiền từ tài khoản đầu tư thuộc trách nhiệm của cá nhân sang khoản mục "Hàng tồn kho" theo các điều chỉnh (2)

(2) Trình bày lại khoản đầu tư ngắn hạn sang khoản mục Phải thu khác theo Quyết định giao đầu tư và các ảnh hưởng của kết quả đầu tư từ năm 2008.



CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 11637
Ngày 13 tháng 12 năm 2013



Trần Xuân Tường
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Đỗ Thị Lan
Kế toán trưởng

CHỦ TỊCH
Đoàn Ngọc Vinh